

Số: 156/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 188/2026/LĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 188/2026/QĐMPH-LĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị T, sinh năm 1987; thường trú tại: Xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1995; thường trú tại: Xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Công ty TNHH H1; địa chỉ: khu phố S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu - bà Trần Thị T trình bày:

Hiện nay bà Trần Thị T có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà T có liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu được thông báo trong khoảng thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 bà Trần Thị T có ký hợp đồng lao động và tham

gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H1. Tuy nhiên trên thực tế cùng khoảng thời gian này, bà T cũng đang làm việc tại một công ty khác và cũng được tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại đó. Như vậy, cùng một thời điểm bà T lại bị đóng trùng bảo hiểm tại hai công ty. Bà T xác định rằng trong khoảng thời gian nêu trên, bà T không phải là người giao kết hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH H1 mà là do bà Trần Thị H mượn chứng minh nhân dân của bà T để giao kết với Công ty TNHH H1.

Nhận thấy việc thông tin cá nhân của bà T bị sử dụng để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 là trái quy định pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án xem xét, tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị T do bà Trần Thị H là người ký và Công ty TNHH H1 trong thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 là vô hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Do bận công việc nên bà Trần Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Lời khai trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị H trình bày:

Bà H thông nhất theo yêu cầu và trình bày của bà Trần Thị T, do bà H là em ruột của bà T vào khoảng năm 2011 bà H chưa đủ tuổi lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011. Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H1 trình bày:

Công ty TNHH H1 luôn tuân thủ quy định pháp luật lao động của Việt Nam, đặc biệt là việc giao kết hợp đồng với người lao động luôn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động 1994, Bộ luật lao động 2012 và Bộ luật lao động 2019. Việc người lao động tự ý cho người khác mượn hồ sơ cá nhân lao động sau đó vào công ty để làm việc là người lao động làm trái quy định của pháp luật lao động, cung cấp không trung thực thông tin nhằm giao kết hợp đồng lao động với công ty. Việc này hoàn toàn không phải lỗi của Công ty. Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho người lao động thực hiện việc hủy bỏ quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bằng cách tuyên bố hợp đồng lao động giữa công ty với người lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trần Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Căn cứ công văn 1570/BHXX-KT ngày 08/5/2026 của bảo hiểm xã hội cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp có căn cứ xác định bà Trần Thị T, sinh ngày 21/10/1987, số chứng minh nhân dân 162784231; căn cước công dân số: 036187004669 có quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp bị trùng từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 tại Công ty TNHH H1 và Công ty TNHH I.

Như vậy trong thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011, người lao động tên Trần Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 và được Công ty T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7411096523. Ngoài thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 bà Trần Thị T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH I với mã số bảo hiểm 9107193592.

Bà Trần Thị T và bà Trần Thị H thống nhất thừa nhận bà H mượn chứng minh nhân dân của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH H1 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 là bà H chứ không phải là bà Trần Thị T.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994, thì: *“Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động”* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*. Do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị T.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị T với Công ty TNHH H1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411096523 trong khoảng thời gian làm việc từ 03/2011 đến tháng 06/2011 bị vô hiệu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994.

- Khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019.

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị T với Công ty TNHH H1 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 theo mã số bảo hiểm xã hội số 7411096523 là vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411096523 không phải là bà Trần Thị T, sinh ngày 21/10/1987, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, số chứng minh nhân dân 162784231; căn cước công dân số: 036187004669. Bà Trần Thị T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội số 7411096523.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0025345 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Ngọc